

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2026

V/v tranh chấp hôn nhân

và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Văn Dương

Bà Kha Thị Chôm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 63/2026/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ốc Thị H, sinh năm 1993, CCCD: 040193004951 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Đăng ký thường trú: Bản Côi, xã L, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Bản H, xã Y, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Lô Văn T, sinh năm 1985, CCCD: 040085005512 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Trú tại: Bản C, xã L, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2026 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Ốc Thị H trình bày:

- Về tình cảm: Chị Ốc Thị H và anh Lô Văn T tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2012. Chị H và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã L, tỉnh Nghệ An) vào ngày **24 tháng 02 năm 2016** trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Từ năm 2016 đến

năm 2020 vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng. Trong quá trình chung sống thì anh T thường xuyên uống rượu về chửi bới đánh đập vợ, chị H khuyên can rất nhiều lần nhưng anh không chịu sửa chữa, bản thân chị H đã ôm con trốn về nhà ngoại rất nhiều lần, thương con nên chị H cố gắng hàn gắn đoàn tụ với anh. Đến cuối năm 2022 thì anh T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, bản thân chị H ở nhà nuôi con, anh T nghi ngờ chị H có mối quan hệ với người đàn ông khác nên chị H quyết định đưa hai con về ngoại sinh sống, không còn quay lại trở lại nhà chồng, vợ chồng cũng không còn liên lạc, sống ly thân nhau từ cuối năm 2022 đầu năm 2023. Nay vợ chồng sống ly thân nhau được 04 năm, tình cảm vợ chồng không còn, chị H có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên cháu là Lô Quốc K, sinh ngày 16/02/2016 và cháu Lô Thúy L, sinh ngày 21/5/2018 hiện cháu đang cùng chị H tại bản Huồi Cụt, xã Y, tỉnh Nghệ An. Anh T thời gian đầu đi Đài Loan thì vẫn gửi cho chị H vài triệu đồng để chị H nuôi con. Tuy nhiên từ đầu năm 2023 thì anh không còn gửi tiền, không về thăm nom chăm sóc con, khi anh hết hạn hợp đồng vào đầu năm 2026 thì anh cũng không đến thăm con lần nào, nên nếu ly hôn đặt ra chị H có nguyện vọng nuôi cháu K, cháu L cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ốc Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 5 năm 2026 bị đơn anh Lô Văn T trình bày:

- Tình cảm: Anh Lô Văn T và chị Ốc Thị H tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2016. Anh T và chị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã L, tỉnh Nghệ An) vào ngày **24 tháng 02 năm 2016** trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, do khoảng cách địa lý xa xôi và công việc bận rộn nên vợ chồng cũng ít khi nói chuyện, quan tâm, chăm sóc nhau nên lâu dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Anh T đi Đài Loan một thời gian thì chị H về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng cũng không còn liên lạc với nhau. Sau khi anh T kết thúc thời hạn hợp đồng thì anh trở về Việt Nam, anh T cũng không liên lạc được với chị H. Nay tình cảm vợ chồng đã cạn kiệt, chị H có nguyện vọng ly hôn với anh T thì anh T đồng ý.

- Con chung: Anh T và chị H có 02 con chung tên cháu là Lô Quốc K, sinh ngày 16/02/2016 và cháu Lô Thúy L, sinh ngày 21/5/2018 hiện cháu đang cùng với chị H tại nhà ông bà ngoại ở bản H, xã Y, tỉnh Nghệ An. Bản thân anh

T cũng rất thương con nhưng anh T tôn trọng quyết định của các cháu, nên nếu ly hôn đặt ra anh T có nguyện vọng giao cháu Lô Quốc K và cháu Lô Thúy L cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, về cấp dưỡng: Anh T và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Ốc Thị H cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ốc Thị H và anh Lô Văn T; Con chung: Giao cháu Lô Quốc K, sinh ngày 16/02/2016 và cháu Lô Thúy L, sinh ngày 21/5/2018 cho chị Ốc Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lô Văn T; Tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Ốc Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Lô Văn T đăng ký thường trú tại bản Côi, xã L, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Ốc Thị H và bị đơn anh Lô Văn T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An. Bị đơn, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau vào năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã L, tỉnh Nghệ An) cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 004/2016 ngày 24 tháng 02 năm 2016 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị H và anh Thiệu M trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, xúc phạm nhau thậm tệ, cuộc sống vợ

chồng ngọt ngào, tình cảm vợ chồng rạn nứt và đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2022, chị H cũng thừa nhận, chị không còn tình cảm với anh T và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân không đạt được mục đích, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Chị H khởi kiện ly hôn thì anh T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ốc Thị H và anh Lô Văn T theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao.

[3.2] Con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Lô Quốc K, sinh ngày 16/02/2016 và cháu Lô Thúy L, sinh ngày 21/5/2018 và chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lô Quốc K, cháu Lô Thúy L cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T đồng ý giao cháu cháu Lô Quốc K, cháu Lô Thúy L cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Cháu Lô Quốc K, cháu L1 Thúy L có nguyện vọng sống với chị H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Lô Quốc K, sinh ngày 16/02/2016 và cháu Lô Thúy L, sinh ngày 21/5/2018 cho chị Ốc Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Ốc Thị H, anh Lô Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Nguyên đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ốc Thị H và anh Lô Văn T.

2. Con chung: Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu Lô Quốc K, sinh ngày 16/02/2016 và cháu Lô Thúy L, sinh ngày 21/5/2018 cho chị Ốc Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T;

- Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Ốc Thị H.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 11-Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 11, Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Lượng Minh;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Ái